

Bản án số: 107/ 2020/HS-PT
Ngày: 05-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang;

Thẩm phán thành viên: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 80/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị T. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị T, sinh năm 1992, tại tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú: Ấp B, xã Ngọc Chúc, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Tổ 1, khu phố 6, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1957 và bà Lê Thị M(đã chết); bị cáo có chồng là Lê Văn M, sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T là công nhân tại Công ty TNHH S thuộc khu phố 7, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương, tạm trú tại nhà trọ Đặng Anh V thuộc khu phố 1, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 17 giờ ngày 08/9/2019, Trần Thị T điều khiển xe mô tô biển số 68G1-496.28 đến sạp bán trái cây thuộc khu phố 1, phường H của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H để mua trái cây. Lúc này bà Phạm Thị H có việc nên về nhà trước chỉ có ông Nguyễn Văn N bán. Trong lúc mua trái cây, Trần Thị T thấy ông Nguyễn Văn N bỏ tiền vào một cái xô bằng nhựa màu xanh nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Trần Thị T đi đến gần vị trí cái xô để lựa trái cây quan sát thấy ông Nguyễn Văn N đang thanh toán tiền cho khách không để ý nên Trần Thị T dùng tay trái lấy số tiền 14.000.000 đồng giấu vào túi áo khoác đang mặc rồi thanh toán tiền ra về. Về đến phòng trọ, Trần Thị T giấu tiền vào túi quần Jeans ngắn màu xanh. Khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn N phát hiện bị mất tiền nên gọi điện thoại báo cho bà Phạm Thị H biết. Bà Phạm Thị H kiểm tra camera đặt tại sạp bán trái cây xác định Trần Thị T trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ ngày 09/9/2020, bà Phạm Thị H đến Công an phường H trình báo sự việc. Công an phường H mời Trần Thị T đến trụ sở làm việc, Trần Thị T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H.

Công an phường H tạm giữ đồ vật liên quan gồm: Số tiền 14.000.000 đồng (trong đó có 20 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng; 15 tờ tiền polymer mệnh giá 200.000 đồng và 10 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng); 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T; 01 mô tô biển số 68G1-496.28 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 cái đầm màu trắng; 01 váy chống nắng; 01 quần Jeans ngắn màu xanh; 01 áo khoác màu cam trắng, nút màu vàng có chữ Nic Eta of No one; 01 mũ bảo hiểm màu xám có dòng chữ AnDes; 01 đôi guốc cao gót màu kem có dòng chữ Zara.

Công an phường H tiến hành lập hồ sơ ban đầu và chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã U thụ lý theo thẩm quyền. Ngày 12/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã U ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 14.000.000 đồng cho bà Phạm Thị H. Xe mô tô biển số 68G1-496.28, màu nâu – đen, nhãn hiệu: Honda Vario, số khung: MH1KF1123HK236651, số máy: KF11E2233755 là của ông Lê Văn M đứng tên đăng ký sở hữu, ông Lê Văn M giao xe cho Trần Thị T sử dụng làm phương tiện đi lại. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 14/5/2020, bị cáo Trần Thị Tkháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định tại Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung, bị cáo Trần Thị Tkháng cáo xin hưởng án treo, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi giao trả cho bị hại; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, trường hợp của bị cáo Trần Thị T đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST, ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương theo hướng xử phạt bị cáo Trần Thị T06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 08/9/2019, Trần Thị T điều khiển xe mô tô biển số 68G1-496.28 đến sạp bán trái cây thuộc khu phố 1, phường H của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H để mua trái cây. Trong lúc mua trái cây, lợi dụng ông Nguyễn Văn N sơ hở, Trần Thị T đã lén lút chiếm đoạt số tiền 14.000.000 đồng. Bị cáo đã mang số tiền này về phòng trọ của mình cất giấu đến ngày 09/9/2019 bị Công an phường H khám xét và thu giữ. Hành vi của bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Bị cáo Trần Thị T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phạm tội Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017). Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp các tài liệu thể hiện bị cáo có nơi cư trú, nơi làm việc rõ ràng (Công an phường H xác nhận bị cáo đang tạm trú tại Tổ 1, khu phố 6, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương). Do vậy, trường hợp của bị cáo đủ điều kiện để cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị T không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05/8/2020).

Giao bị cáo Trần Thị T về Ủy ban nhân dân phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thị T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã U;
- VKSND thị xã U ;
- Chi cục THADS thị xã U ;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;
- Công an thị xã U ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân phường H
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.

1
2
1
1
1
1
1
1
3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang